TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 210/2022/DS-ST
Ngày 22 – 8 – 2022
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Mẫn

2. Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Việt K, sinh năm 1979; Địa chỉ: số 189, đường Hoa L, khóm 1, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Xuân M, sinh năm 1983; Địa chỉ: khóm 1, phường Tân T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hiện đang sinh sống tại số 144, đường Cao Th, khóm 7, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958; Địa chỉ: số 362A, đường Nguyễn T, khóm 4, phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của chị Huỳnh Thị Xuân M theo văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022 (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp 6, xã Phong Thạnh T, thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Hữu Tr, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp Tân H, xã Lý Văn L, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia tố tụng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Trần Văn C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Bùi Việt K (nguyên đơn) trình bày:

Khoảng đầu năm 2019, anh có cho chị Huỳnh Thị Xuân M vay tiền 05 lần nhưng không nhớ thời gian và số tiền vay cụ thể của từng lần, việc vay không có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Quá trình vay, chị M và anh C có trả lãi nhiều lần với số tiền là 610.000.000 đồng, không trả vốn. Mặc dù, anh đã đòi nhiều lần nhưng chị M chỉ hứa hẹn mà không trả. Đến ngày 10/9/2019, giữa anh và chị M kết toán nợ với nhau, chị M đã viết biên nhận nợ anh với tổng số tiền là 2.500.000.000 đồng và cam kết trả hết số tiền trên trong thời hạn 03 tháng bao gồm cả vốn lẫn lãi. Khi đó, chị M tự nguyện trả lãi cho anh là 3%/tháng nhưng hết thời hạn cam kết, chị M vẫn không thực hiện và tính đến ngày 10/02/2020, chị M nợ anh 05 tháng tiền lãi với số tiền là 375.000.000 đồng nên chị M có viết tiếp vào biên nhận nợ anh tổng các khoản vốn và lãi với số tiền 2.875.000.000 đồng nên anh khởi kiện yêu cầu chị M, anh C cùng có trách nhiệm trả cho anh số tiền vốn là 2.875.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 10/02/2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1,66%/tháng bởi trong quá trình giao dịch, anh C là chồng chị M có chứng kiến và trả tiền lãi vay cho anh. Nay tại phiên tòa, anh chỉ yêu cầu anh C và chị M có trách nhiệm trả cho anh một lần hết số tiền nợ gốc là 2.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 10/9/2019 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,66%/tháng với số tiền lãi là 1.469.100.000 đồng và đồng ý đối trừ số tiền lãi chị M đã trả 610.000.000 đồng, số tiền vốn và lãi còn lại anh yêu cầu là 3.359.100.000 đồng. Ngoài ra, anh K không yêu cầu thêm khoản nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Khoảng năm 2018, chị Huỳnh Thị Xuân M vay của anh Bùi Việt K số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01 ngày trả 5.000 đồng/1.000.000 đồng (tương đương 15%/tháng). Sau đó, chị M không có tiền trả lãi nên lãi được nhập vào vốn và anh K tiếp tục đưa tiền nhiều lần cho chị M vay nhưng không nhớ rõ mỗi lần vay là bao nhiêu, vay cụ thể vào thời gian nào. Quá trình vay, chị M có trực tiếp trả lãi và nhờ anh C trả lãi cho anh K với tổng số tiền là 610.000.000 đồng, việc trả lãi không có làm biên nhận cũng không nhớ thời gian từng lần trả lãi cụ thể. Đến ngày 10/9/2019, chị M cùng anh K đối chiếu nợ với nhau và chị M có viết biên nhận nợ anh K số tiền 2.500.000.000 đồng nhưng trong số tiền nợ này, tiền vốn gốc khoảng 1.800.000.000 đồng và tiền lãi còn nợ lại là 700.000.000 đồng. Nay anh K khởi kiện, chị M đồng ý trả nợ cho anh K trên số tiền vốn gốc là 1.800.000.000 đồng và yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất đã trả theo quy định của pháp luật, đối trừ số tiền lãi đã trả, không đặt ra trách nhiệm anh C cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ trên. Đồng thời, xin trả mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, anh Trần văn C (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Xuân M chung sống năm 2012 đến ngày 25/6/2018, anh và chị M ly hôn với nhau nhưng giữa anh và chị M vẫn còn giữ mối quan hệ với nhau trong việc kinh doanh mua bán tôm. Đối với việc vay tiền giữa chị M với anh K, anh không biết và không sử dụng số tiền vay trên vào công việc của anh. Khoảng năm 2019, anh mới biết việc chị M nợ anh K một số tiền nhưng chị M sử dụng vào mục đích kinh doanh, sinh hoạt riêng. Do anh có nợ tiền từ việc mua bán với chị M nên chị M có nhờ anh có mang tiền đến trả cho anh K nhiều lần nhưng số tiền trả cụ thể bao nhiêu, thời gian trả khi nào thì anh không nhớ. Tuy nhiên, số tiền lãi đã trã mà anh K và người đại diện hợp pháp của chị M trình bày tại phiên tòa là đúng. Ngoài ra, anh không nhận bất cứ khoản tiền vay nào từ anh K. Do đó, anh xác định đây là khoản nợ riêng của chị M, anh không có nghĩa vụ gì đối với anh K trong giao dịch này nên anh không đồng ý với yêu cầu của anh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh K buộc anh C cùng có trách nhiệm trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[2] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn là sự thật, được các đương sự thừa nhận tại phiên tòa nên không phải chứng minh. Mặc dù, việc vay nợ giữa các đương sự thực tế diễn ra nhiều lần song không đương sự nào nhớ được thời gian, số tiền vay cụ thể từng lần cũng như số tiền lãi của từng lần đã trả và không cung cấp được giấy tờ, tài liệu để chứng minh nên không có căn cứ để xác định trong số tiền nợ 2.500.000.000 đồng có tiền lãi cộng dồn vào nợ gốc. Do đó, lời trình bày của bị đơn chưa có cơ sở để chấp nhận nên căn cứ vào biên nhận tiền ngày 10/9/2019 (đã được đối chiếu bản chính) do chính bị đơn viết để xác định số tiền trên là tiền nợ gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu tính lãi, bị đơn yêu cầu điều chỉnh lãi suất theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận, cụ thể lãi suất tính từ ngày 10/9/2019 đến ngày 22/8/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là: (35 tháng 11 ngày x 2.500.000.000đ) x 1,66%/tháng = 1.468.000.000đ (làm tròn).

Do các đương sự không xác định được cụ thể thời gian từng lần trả lãi, số tiền lãi đã trả từng thời điểm là bao nhiêu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để đối trừ

theo từng mốc thời gian tính lãi nên lấy số tiền lãi được các đương sự thừa nhận đã trả là 610.000.000 đồng đối trừ với số tiền lãi tính theo quy định là phù hợp và số tiền lãi bị đơn còn nợ lại là (1.468.000.000 đồng – 610.000.000 đồng) = 858.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bị đơn còn nợ nguyên đơn là 3.358.000.000 đồng, số tiền chênh lệch nguyên đơn không được chấp nhận là 1.100.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ, xét thấy tại thời điểm vay, anh C với chị M không còn tồn tại mối quan hệ vợ chồng do đã được Tòa án nhân dân thị xã Giá R, tỉnh Bạc Liêu ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 129/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh anh C trực tiếp tham gia giao dịch bởi trong biên nhận không thể hiện việc anh C cùng ký nhận nợ, nguyên đơn cũng không chứng minh được việc anh C có cùng bị đơn sử dụng số tiền vay nêu trên vào công việc kinh doanh chung hoặc sử dụng chung trong sinh hoạt gia đình. Do đó, nguyên đơn yêu cầu anh C cùng có trách nhiệm với bị đơn trả số tiền nợ trên là không có cơ sở, nên không chấp nhận. Mặc dù, trong các lần trả lãi anh C cho rằng có lần anh chở chị M trả lãi trực tiếp cho nguyên đơn, có lần trả qua anh Đ là người nguyên đơn nhờ lấy tiền lãi nhưng nguyên đơn xác định không nhờ anh Đ lấy lãi, anh Đ chỉ giới thiệu chị M để nguyên đơn cho vay. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất với nhau số tiền lãi đã trả là 610.000.000 đồng và không đương sự nào biết họ tên, địa chỉ cụ thể của anh Đ nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, làm rõ việc anh Đ có nhận tiền lãi từ anh C, chị M và không đưa anh Đ vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[5] Về thời gian thanh toán, các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu theo quy định, anh K phải chịu án phí đối với phần chênh lệch không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Bùi Việt K.

Buộc chị Huỳnh Thị Xuân M có trách nhiệm trả cho anh Bùi Việt K tổng các khoản với số tiền là 3.358.000.000 đồng (ba tỷ ba trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày anh Bùi Việt K có đơn yêu cầu thi hành án, chị Huỳnh Thị Xuân M không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Bùi Việt K kiện đòi chị Huỳnh Thị Xuân M số tiền chênh lệch là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Huỳnh Thị Xuân M phải chịu số tiền 99.160.000 đồng (chín mươi chín triệu một trăm sáu chục nghìn đồng - Chưa nộp).

Anh Bùi Việt K phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 07/4/2022, anh K đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 45.285.000 đồng theo biên lai thu số 0001128 được đối trừ chuyển thu, sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng, số tiền còn lại là 44.985.000 đồng (bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) được trả lại cho anh K.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân